

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên cơ sở đào tạo

- Tên tiếng Việt: Học viện Khoa học xã hội
- Tên tiếng Anh: Graduate Academy of Social Sciences, viết tắt là GASS

1.2. Chức năng

Học viện Khoa học xã hội là cơ sở giáo dục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Học viện có chức năng đào tạo và cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo quy định của pháp luật; tổ chức liên kết đào tạo, bồi dưỡng và gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, Học viện thực hiện tư vấn về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chính sách trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Đồng thời, Học viện triển khai hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học xã hội.

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

- **Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, tư vấn về lĩnh vực khoa học xã hội phục vụ phát triển đất nước.
- **Tầm nhìn:** Là cơ sở giáo dục về khoa học xã hội hàng đầu ở Việt Nam, tăng cường hội nhập quốc tế.
- **Giá trị cốt lõi:** Chất lượng - Thân thiện - Phát triển

1.4. Địa chỉ các địa điểm đào tạo

1.4.1 Địa chỉ trụ sở chính

Số 477, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội;

1.4.2. Các địa điểm đào tạo khác

- Tại thành phố Hồ Chí Minh: 270 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật;
- Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Đắk Lắk: việc tổ chức đào tạo được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

1.5. Trang thông tin điện tử: <https://www.gass.edu.vn>

2. Tình hình tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ:

- Đến thời điểm xây dựng Đề án, Học viện Khoa học xã hội đang tổ chức đào tạo 23 ngành trình độ thạc sĩ, cụ thể ở Bảng 1. Tổng số học viên hiện đang theo học là 127 người.

- Học viện dự kiến tổ chức 02 đợt tuyển sinh trong năm, vào tháng 4 và tháng 8 hàng năm. Tuy nhiên, thời gian cụ thể (có thể được điều chỉnh theo quyết định của Giám đốc Học viện, căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch đào tạo.

- Học viện Khoa học xã hội tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo hai định hướng:

+ Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; và

+ Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

- Phương thức tuyển sinh là xét tuyển. Người đăng ký vdự tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng phải tham dự kỳ xét tuyển do Học viện Khoa học xã hội tổ chức.

- Thời gian đào tạo theo kế hoạch chuẩn là 02 năm. Hình thức đào tạo: chính quy

Bảng 1. Danh sách các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Mã số	Ngành đào tạo	Quyết định giao đào tạo, ngày
1	8140114	Quản lý giáo dục	233/QĐ-BGDĐT ngày 17/1/2012
2	8220104	Hán Nôm	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
3	8220121	Văn học Việt Nam	5562/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2012
4	8229001	Triết học	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
5	8229009	Tôn giáo học	5095/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2013
6	8229013	Lịch sử Việt Nam	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
7	8229017	Khảo cổ học	5096/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2013
8	8229020	Ngôn ngữ học	5536/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2011
9	8340410	Quản lý kinh tế	5096/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2013
10	8310201	Chính trị học	5095/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2013
11	8310301	Xã hội học	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
12	8310310	Dân tộc học	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
13	8310401	Tâm lý học	1836/QĐ-BGDĐT ngày 28/4/2011
14	8310630	Việt Nam học	4589/QĐ-BGDĐT ngày 24/10/2012
15	8340101	Quản trị kinh doanh	233/QĐ-BGDĐT ngày 17/01/2012
16	8340201	Tài chính ngân hàng	1518/QĐ-BGDĐT ngày 7/5/2015
17	8340402	Chính sách công	5535/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2011
18	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
19	8380104	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
20	8380107	Luật kinh tế	5064/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2012
21	8760101	Công tác xã hội	5535/QĐ-BGDĐT ngày 07/11/2011
22	8220201	Ngôn ngữ Anh	3589/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2015

23	8310106	Kinh tế Quốc tế	5064/QĐ-BGDDT ngày 16/11/2012
----	---------	-----------------	-------------------------------

3. Nội dung tuyển sinh

3.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển dự tuyển trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học, hoặc có trình độ tương đương trở lên, thuộc ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp tốt nghiệp ngành không thuộc nhóm ngành phù hợp, người dự tuyển phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức theo quy định của Học viện.

Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu, người dự tuyển phải tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự kiến học tập, nghiên cứu.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo;

b. Về năng lực ngoại ngữ:

Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

- Người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

Trường hợp người dự tuyển tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự tuyển vào ngành Chính sách công thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển.

d. Về lý lịch

Người dự tuyển phải có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

Lý lịch phải được cơ quan quản lý nhân sự nơi người dự tuyển đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

đ. Về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập.

e. Về hồ sơ

Nộp đầy đủ hồ sơ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện KHXH.

3.2. Minh chứng về trình độ ngoại ngữ

Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để minh chứng cho năng lực ngoại ngữ của người dự tuyển phải còn giá trị sử dụng và đáp ứng mức tối thiểu theo quy định. Một số

văn bằng minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển được quy định tại Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Một số văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để minh chứng

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 trở lên
		IELTS	4.0 trở lên
		Cambridge Assessment English	B1 First/ B1 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 140 trở lên
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 trở lên Đọc: 275 trở lên Nói: 120 trở lên Viết: 120 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate	B1
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 2
		PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	43 trở lên
		Versant English Placement Test (VEPT)	43 trở lên
		Oxford Test of English (OTE và OTE Advanced)	81 trở lên
		LANGUAGECERT International ESOL	B1 Achiever
		LANGUAGECERT Academic	40 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B1 từ 300 trở lên DELF B1 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institute	Goethe - Zertifikat B1 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 3 (TDN3) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 3 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL – Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-1 trở lên
7	Các Ngôn ngữ tiếng nước ngoài	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Bậc 3 trở lên

Ghi chú: Các chứng chỉ khác các ngôn ngữ nêu tại Bảng trên được chấp nhận khi được cơ quan có thẩm quyền (Bộ Giáo dục và Đào tạo) công nhận tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trường hợp có thay đổi trong thời gian nhận hồ sơ, Học viện sẽ cập nhật và thông báo bổ sung.

Danh sách các cơ sở đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được xác định theo công bố của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm tuyển sinh và được liệt kê ở Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Danh sách các cơ sở đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Cơ sở
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Tài chính - Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

3.3. Phương thức và nội dung xét tuyển

Học viện tuyển sinh trình độ thạc sĩ bằng phương thức xét tuyển. Việc xét tuyển được thực hiện trên cơ sở:- Hồ sơ dự tuyển của thí sinh theo quy định

- Phòng vấn thí sinh dựa trên nội dung của môn cơ sở ngành
- Các tiêu chí khác được quy định trong thông báo tuyển sinh và quy chế tuyển sinh của Học viện.

3.4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

3.4.1. Đối tượng ưu tiên:

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên gồm:

- Người có thời gian công tác liên tục từ hai năm trở lên, tính đến ngày hết hạn nộp hồ,, tại các địa phương được xác định thuộc Khu vực I theo quy chế tuyển sinh hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận, điều động hoặc biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

3.4.2. Chính sách ưu tiên

- Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 20 điểm theo thang điểm 100 vào kết quả xét tuyển.

- Trường hợp thuộc nhiều đối tượng ưu tiên, người dự tuyển chỉ được hưởng mức ưu tiên của một đối tượng.

4. Hồ sơ dự tuyển

4.1. Thành phần hồ sơ

1. Đơn đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ theo mẫu;
2. Phiếu đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ 02 bản theo mẫu;
3. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp đối với người dự tuyển là công chức, viên chức, nếu thuộc trường hợp phải có văn bản cử đi đào tạo theo quy định;
4. Sơ yếu lý lịch tự thuật;
5. Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học;
6. Bản sao có chứng thực chứng nhận hoặc bằng điểm hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức, nếu có;
7. Bản sao có chứng thực văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu dự tuyển;
8. Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ khác, nếu có;
9. Bản sao công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực dự kiến học tập, nghiên cứu, nếu có;
10. Giấy chứng nhận đủ sức khoẻ để học tập do cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền cấp; ;
 - Bản sao có xác nhận các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm, hợp đồng lao động hoặc giấy tờ hợp pháp khác để xác nhận thời gian công tác, nếu thuộc trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm;
 - Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên, nếu có;
 - 01 bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo mẫu;
 - 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại của người dự tuyển;
 - 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm và 04 ảnh cỡ 4x6 cm, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của ứng viên dự tuyển.

4.2. Phát hành và tiếp nhận hồ sơ

Học viện dự kiến tổ chức phát hành và tiếp nhận hồ sơ dự tuyển trong 02 đợt.

- Đợt 1
 - + Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 30/6/2026 đến ngày 29/7/2026;
 - + Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 01/7/2026 đến ngày 29/7/2026;
 - + Thời gian xét tuyển: dự kiến ngày 29 và ngày 30/9/2026;
 - + Thời gian công bố kết quả: cần xác định lại sau khi thống nhất thời gian xét tuyển;
 - + Thời gian nhập học: dự kiến từ ngày 20/11/2026 đến ngày 30/11/2026.
- Đợt 2
 - + Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 01/10/2026 đến ngày 30/11/2026;

- + Thời gian nhận hồ sơ: cần xác định lại do mốc ngày 30/10/2026 trong bản gốc kết thúc trước thời gian phát hành hồ sơ;
- + Thời gian xét tuyển: dự kiến ngày 29 và ngày 30/11/2026;
- + Thời gian công bố kết quả: dự kiến từ ngày 10/12/2026 đến ngày 15/12/2026;
- + Thời gian nhập học: dự kiến từ ngày 15/12/2026 đến ngày 29/12/2026.

Hồ sơ đã nộp không được hoàn trả. Thời gian phát hành, tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét tuyển, công bố kết quả và nhập học có thể được điều chỉnh theo tình hình thực tế. Mọi thay đổi sẽ được Học viện thông báo công khai.

4.3. Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ:

4.3.1. Tại Hà Nội

Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 35528560; 024. 35527738.

Hotline: 0914.99.89.96 hoặc 0971.36.58.58.

4.3.2. Tại thành phố Hồ Chí Minh

Số 270 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ: 0903886561; 0907012082.

4.4. Địa điểm xét tuyển:

+ Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

+ Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh: 270 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa điểm xét tuyển cụ thể của từng thí sinh được ghi trong thông báo hoặc giấy báo dự tuyển.

5. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Mức thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập được thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

Mức thu cụ thể được Học viện công khai theo từng năm học và thông báo cho người học trước khi nhập học.

6. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 dự kiến là 325 chỉ tiêu, được phân bổ như ở Bảng 4.

Bảng 4: Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến theo ngành

TT	Ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Kinh tế quốc tế	10	
2	Tâm lý học	20	
3	Chính sách công	40	
4	Triết học	10	
5	Luật hiến pháp và luật hành chính	35	
6	Luật kinh tế	40	
7	Quản trị kinh doanh	25	
8	Quản lý kinh tế	25	
9	Quản lý giáo dục	40	
10	Ngôn ngữ học	50	
11	Chính trị học	10	
12	Văn hóa học	20	
Tổng cộng:		325	

Ghi chú: Chỉ tiêu chính thức của từng ngành do Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ xem xét, quyết định trên cơ sở số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực đào tạo thực tế của Học viện..

7. Các điều kiện bảo đảm chất lượng

7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

7.1.1. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng

- Tổng diện tích đất của Học viện tại các địa điểm:

+ Trụ sở 477 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội: 2202 m² (xây 12 tầng)

+ Địa điểm tại 270 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh: 1370 m² (xây 12 tầng).

+ Địa điểm đào tạo tại Đà Nẵng: 5.000 m².

+ Địa điểm đào tạo tại Đắk Lắk: 5.000 m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện: 13.572 m².

7.1.2. Phòng học, thư viện và trung tâm học liệu

Phòng học, thư viện, trung tâm học liệu của Học viện Khoa học xã hội được cung cấp ở Bảng 5 dưới đây.

Bảng 5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Học viện

TT	Loại phòng	Tổng số
1	Hội trường, phòng học trên 200 chỗ	0
2	Hội trường, phòng học trên 100-200 chỗ	6
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	2
4	Phòng học dưới 50 chỗ	46
5	Số phòng học đa phương tiện	4
6	Số thư viện	3

7.2. Đội ngũ giảng viên

7.2.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian được liệt kê trong Phụ lục 01 đính kèm theo Đề án.

7.2.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng được liệt kê trong theo phụ lục 02 đính kèm theo Đề án.

7.3. Các dự án nghiên cứu, hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

Không có

7.4. Kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo

Học viện đã tự đánh giá cơ sở giáo dục và đang tiến hành các thủ tục đánh giá ngoài theo quy định của pháp luật.

Học viện đồng thời triển khai tự đánh giá chất lượng 05 chương trình đào tạo tiến sĩ, gồm: (1) Chính sách công; (2) Kinh tế quốc tế; (3) Tâm lý học; (4) Triết học; (5) Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

Hoạt động bảo đảm chất lượng còn được thực hiện thông qua việc xây dựng và tổ chức các cuộc khảo sát, trong đó có khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.../.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXHVN (để b/c),
- Ban Tổ chức - Cán bộ (để b/c),
- Đảng ủy Học viện (để b/c),
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Hoàng